

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Công C, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, các văn bản kèm theo ông Trương Công C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1982, ông và bà Nguyễn Thị D kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì ông C và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên ông C không thể đoàn tụ gia đình với bà D, nay ông cương quyết ly hôn với bà D và yêu cầu Tòa án xét xử cho ông ly hôn bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Có ba người con chung tên Trương Trường T (giới tính nam), sinh ngày 29/9/1982, Trương Trường G (giới tính nam), sinh ngày 10/01/1983 và Trương Thị Thúy P (giới tính nữ), sinh ngày 29/9/1989, hiện ba người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ông đi trị bệnh không thể tham gia phiên họp và hòa giải được nên ông Trương Công C yêu cầu xin vắng mặt không tham gia buổi hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng bà D vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Công C xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà D không cung cấp chứng cứ gì, bà D vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1982, ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau mà không thể hàn gắn tình cảm. Ông Trương Công C xác định không còn tình cảm dành cho bà D, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông C cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị D không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị D đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy bà D không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của ông C, bà D không có ý kiến gì. Xét cho ông Trương Công C ly hôn với bà Nguyễn Thị D là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có ba người con chung tên Trương Trường T (giới tính nam), sinh ngày 29/9/1982, Trương Trường G (giới tính nam), sinh ngày 10/01/1983 và Trương Thị Thúy P (giới tính nữ), sinh ngày 29/9/1989, hiện ba người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Công C phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Công C ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Công C phải chịu 300.000 đồng. Ông Trương Công C đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018608 ngày 13/02/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã T,
- huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng